



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028 38817289 Fax: 028 38817385

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android. Công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 44/2019

29/10/2019 – 04/11/2019

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số thuê tàu BDI tuần nay sụt giảm gần 10% so với tuần trước, chỉ còn 1.675 điểm. Tuy nhiên, giao dịch mua bán tàu rất sôi động, với 15 thương vụ thành công, trải dài ở tất cả phân khúc. Ở phân khúc handysize, tàu Cherry Island (28.220 dwt đóng 2014 Nhật, SS/DD 10/2021) vừa qua đã trung gian 10/2019 râm ran được chủ tàu Nhật bán với giá 9,1 triệu đô la Mỹ, giá này rẻ hơn 500.000-1.000.000 đô la Mỹ so với thị trường hiện nay nhưng cần phải xác thực lại trong thời gian tới, điểm đáng lưu ý là tàu này đặt ký năm 2010. Trong khi đó, tàu IVS Magpie (28.240 dwt đóng 2011 Nhật SS/DD 10/2021) được chủ tàu Singapore bán với giá 10,3 triệu đô la Mỹ. Nếu so với thị trường thì mức giá này rất cao do bao gồm hợp đồng thuê tàu trần lại từ 10-12 năm. Ở tuần liền trước, tàu Danship Bulker (29.291 dwt đóng 2009 Nhật), vừa qua đã đặc biệt và lắp đặt hệ thống xử lý nước dằn, được bán với giá khoảng 7,75 triệu đô la Mỹ.

Phân khúc tàu bách hóa, ghi nhận tàu Sea Star 9 (8.555 dwt đóng 1998 Nhật) được chủ tàu Trung Quốc bán với giá khoảng 1,7 triệu đô la Mỹ.

Ở mảng tàu dầu, báo cáo ghi nhận nhiều thương vụ thành công tập trung chủ yếu ở phân khúc Suezmax và MR. Đối với tàu hóa chất, Norden của Đan Mạch hoạt động vô cùng tích cực khi bán tàu Nord Gardenia (39.999 dwt, đóng 2014 Trung Quốc) với giá khoảng 24,25 triệu đô la Mỹ. Tàu này đã qua hạn đà SS/DD hồi tháng 8. Đổi lại vai trò người Mua, Norden cũng chốt thành công cặp tàu Andes và Himalaya (~49.900 dwt, đóng 2011 Nhật, hai thân) với giá 20,5 triệu đô la Mỹ mỗi tàu. Đây là mức giá hợp lý do thị trường đang tốt nếu so sánh với tàu cũng cỡ là Fidelity II (48.020 dwt, đóng 2011 Nhật) được bán giá 18 triệu đô la Mỹ hồi tháng 5. Báo cáo cũng ghi nhận cặp tàu Team Toccata và Team Tosca (46.764 dwt, đóng 2004 Croatia) được bán với giá khoảng 12,8 triệu đô la Mỹ mỗi tàu. Hai tàu đều có trang bị hệ thống xử lý nước dằn và đều qua hạn đà SS/DD đầu năm nay. Đối với tàu chở dầu thành phẩm, Norden cũng bán thành công tàu Nord Organiser (47.399 dwt, đóng 2008 Nhật, có buồng bom) với giá 16,75 triệu đô la Mỹ. Mức giá này là rất tốt khi so sánh với tàu có buồng bom tương tự là Challenge Pacific (47.286 dwt, đóng năm 2007 Nhật) được Spring Marine mua với giá 13,5 triệu đô la Mỹ tháng 9 vừa qua.

Name	Blt year	Blt place	Dwt	Buyers	Price m.usd	Comment
BULKERS						
Genco Raptor	2007	China	76,499	Greek	10.20	
Jal Kumud	2008	Japan	76,302	Chinese	12.75	
Fortune Sympathy	2016	Japan	57,809	Japanese	20.50	
Navios Hios	2003	Japan	55,180	Greek	7.65	

Desert Melody	2006	China	53,800	Greek	7.65	
Bulk Jullana	2001	Japan	52,510	Far Eastern	6.50	
Meghna Princess	1995	Japan	47,574	Chinese	3.50	
Le Ruby	1996	China	45,950	Undisclosed	3.20	
Cherry Island	2014	Japan	28,220	Undisclosed	9.10	DD passed Oct 2019, SS Oct 2021
IVS Magpie	2011	Japan	28,240	Undisclosed	10.30	10-12 years term leaseback purchase option, DD passed Oct 2019, SS Oct 2021
Sea Star 9	1998	Japan	8,555	Undisclosed	1.70	Tween decker, Cr 1x30.5t, Dr 2x25t
TANKERS						
Ghillie	2019	Korea	300,000	Korean, Hahn & Co	103.00	5 years TC to Hyundai Oil bank
Astro Challenge	2002	Korea	299,222	Undisclosed	32.00	
Cape Bari	2005	Korea	159,186	Undisclosed	23.00	
Cape Bastia	2005	Korea	159,155		23.00	
Red Majestic	2000	Japan	105,578	Middle Eastern	10.60	
Andes	2011	Japan	49,962	Danish, Norden	20.50	Double hull, chemical IMO III, epoxy coated
Himalaya	2011	Japan	49,936		20.50	Double hull, chemical IMO III, epoxy coated
Hermitage Bridge	2003	Korea	47,880	Undisclosed	10.50	Double hull, chemical IMO III, epoxy coated, ice class 1A
Anichkov Bridge	2003	Korea	47,842		10.50	Double hull, chemical IMO III, epoxy coated, ice class 1A
Nord Organiser	2008	Japan	47,399	Undisclosed	16.75	Pumproom type, double hull
Team Toccata	2004	Croatia	46,764	Ukrainian	12.80	BWTS fitted, SS/DD passed
Team Tosca	2004	Croatia	46,764		12.80	
Nord Gardenia	2014	China	39,999	Undisclosed	24.25	Double hull, chemical IMO II/III, epoxy phenolic coated, SS/DD passed Aug 2019, Danish owner
CONTAINERS						
OTHERS						

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Một số đơn hàng đóng mới trong tuần qua:

Type	Size	Price (m.usd)	No	Yard	Owners	Delivery	Comments
LNG	174,000 cbm	186.90	2	BW	DSME	06&09/2022	
Tanker	158,000 dwt	56.00	2	New Times, China	Sentek, Singapore	2021	2 option
Bulker	82,300 dwt	33.00	2	Tsuneishi Zhoushan	Wisdom Marine	Undisclosed	
Bulker	31,800 dwt	Undisclosed	2	Yangzijiang	Navibulgar	2021-2022	
Ferry	1610 pax – 450 cars	92.00	1	Austal, Philippines	Molslinjen, Denmark	2022	LNG power

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Cước phân khúc **Panamax** tuần qua giảm mạnh 1.454 đô la Mỹ, hiện đóng cửa ở mức 12.142 đô la Mỹ. Ở Thái Bình Dương, Unico chốt tày Flying Loong (74.333 dwt, 2000) nhận tại Qinzhou đi Indonesia và trả tại South Korea với giá 11.200 đô la Mỹ. Transpower chốt tàu Banastar (72.562 dwt, 2002) nhận tại Meizhou đi Indonesia và trả tại China với giá 11.000 đô la Mỹ. Ở thị trường Đại Tây Dương, Bunge chốt tàu Coral Amethyst (78.092 dwt, 2012) nhận tại Recalada và trả tại khu vực Skaw-Gibraltar với giá 17.000 đô la Mỹ. Về thị trường tuyến một chiều, tàu Aristidis (82.153 dwt, 2013) được chốt nhận tại East Coast South America và trả tại khu vực Singapore-Japan với giá 16.600 đô la Mỹ một ngày cộng thêm 660.000 đô la Mỹ phí ballast. Không có nhiều báo cáo ở thị trường thuê định hạn.

Không những không khá khẩm mà ngược lại tình hình phân khúc **Supramax** còn tệ hơn khi cước giảm mạnh trên mọi khu vực. Chỉ số BSI lao dốc còn 11.590 đô la Mỹ, mất 1.588 đô la Mỹ so với tuần trước. Ở thị trường Đại Tây Dương, tàu Yasa Canary (55.446 dwt, 2016) được chốt nhận tại Recalada và trả tại Algeria với giá 15.000 đô la Mỹ. Tàu Astakos (58.722 dwt, 2012) được chốt nhận tại Liverpool dự kiến chở scrap và trả tại East Mediterranean với giá 16.500 đô la Mỹ. Ở khu vực Biển Ấn, tàu Golden Cecilie (60.263 dwt, 2015) được chốt nhận tại Vizag đi East Coast India và trả tại China, dự kiến chở quặng sắt với giá 15.250 đô la Mỹ. Tàu Victoria (61.620 dwt, 2016) được chốt nhận tại Karachi đi Arabian Gulf và trả tại West Coast India với giá 15.500 đô la Mỹ. Ở khu vực Thái Bình Dương, tàu Yangzte Dawn (56.700 dwt, 2010) được chốt nhận tại South Kalimantan và trả tại South China với giá 13.750 đô la Mỹ cộng thêm 50.000 đô la Mỹ phí ballast. Tàu BW Flax (58.096 dwt, 2010) được chốt nhận tại Taichung đi Indonesia và trả tại khu vực Tuticorin-Kandla với giá 11.000 đô la Mỹ.

Cước thuê phân khúc **Handy** cũng giảm hẳn 748 đô la Mỹ, hiện đóng cửa ở mức 8.398 đô la Mỹ. Cước thuê khu vực Đại Tây Dương sụt giảm tại các khu vực dỡ hàng trọng điểm do không có nhiều nhu cầu chuyên chở. Có tin đồn một tàu 32k dwt cập trạm hoa tiêu Antwerp được chốt với giá 10.500 đô la Mỹ, dự kiến chở scrap đi East Mediterranean. Một tàu 33k dwt khác được chốt với giá từ 6.800 đô la Mỹ trở lên đi tuyến Continent – East Coast South America. Một tàu 28k dwt cập trạm hoa tiêu Rouen chở ngũ cốc đi Algeria với giá 10.000 đô la Mỹ. Một tàu 32k dwt khác được cho là chở phân bón từ trung tâm Mediterranean đi Bangladesh với giá khoảng 16.000 đô la Mỹ, cùng lúc đó, tàu Charana Naree (33.720 dwt, 2005) được cho là chở xi măng từ Iskenderun đi US Gulf. Không có nhiều nhu cầu chuyên chở ở khu vực US Gulf và phía dưới bờ đông South America, dù một tàu 30k dwt open Santos được chốt chở đường đi Đại Tây Dương. Bên cạnh đó, thêm một tuần lễ ảm đạm nữa ở khu vực Thái Bình Dương cộng với ngày nghỉ hôm thứ hai vừa qua tại Singapore làm cước thuê càng giảm sút. Ở phía Bắc, không có nhiều nhu cầu chở hàng khiến danh sách tàu nằm chờ ngày một dài hơn. Có tin đồn một tàu 34k dwt cập trạm hoa tiêu ở Nhật, sau đó chở xi đi Singapore với giá hơn 7.000 đô la Mỹ một chút. Ở phía Nam, việc thiếu hụt hàng hóa đồng nghĩa với việc các chủ tàu phải tốn thêm thời gian chờ. Nhìn chung thị trường hiện đang ảm đạm, các chủ hàng phải miễn cưỡng nhận tàu chậm hơn.

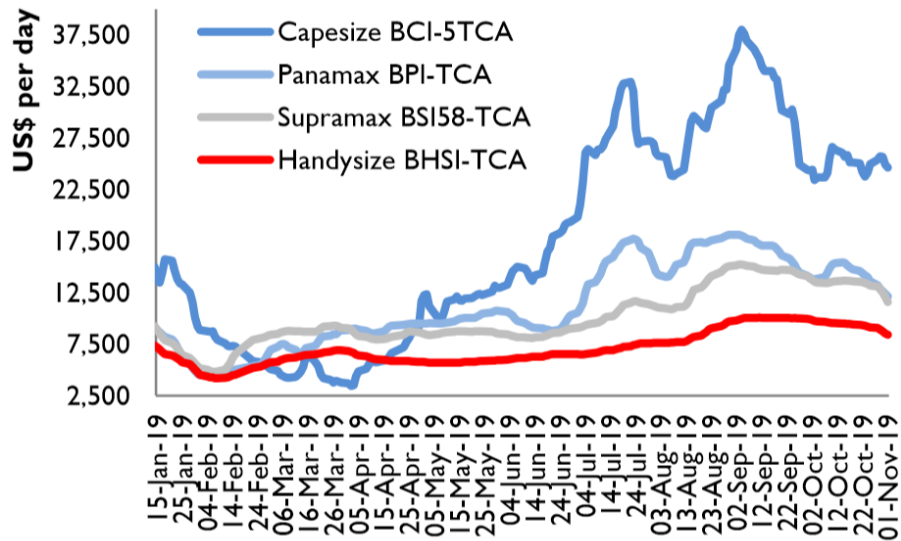
Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 44 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 44	TUẦN 43	Mức thấp nhất năm 2019 (cập nhật tới Tuần 44)	Mức cao nhất năm 2019 (cập nhật tới Tuần 44)
TRANSATLANTIC RV	11,780	14,475	2,200	21,345
TCT CONT/F.EAST	22,168	24,182	1,200	29,714
TCT F.EAST/CONT	5,389	5,672	810	6,589
TCT F.EAST RV	11,197	12,448	4,400	16,181
RATES/SUPRAMAXSIZE (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	12,801	13,958	5,000	18,389
PACIFIC RV	11,936	12,179	5,800	12,786
TCT CONT/F.EAST	25,107	26,068	12,000	28,686

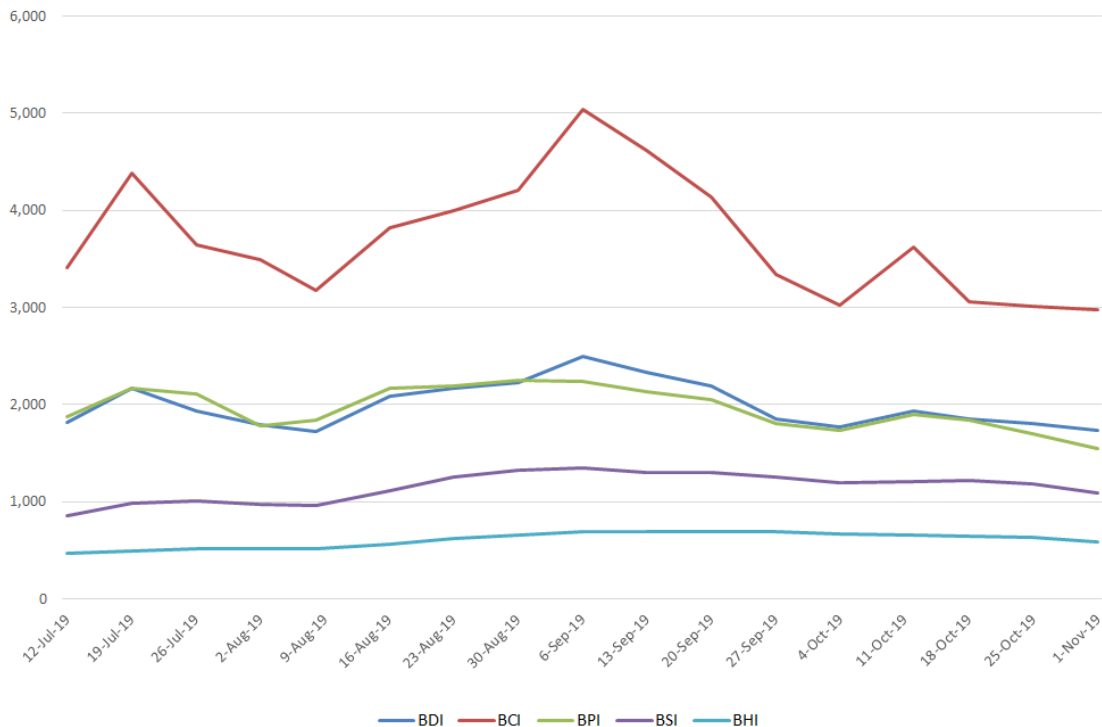
GIÁ THUÊ TÀU HÀNG KHÔ NGÀY 01/11/2019

	US\$/ngày	▼ / ▲	
CAPESIZE	24,918	▼	27
PANAMAX	12,380	▼	1,216
SUPRAMAX	12,111	▼	1,067
SMALL HANDY	8,560	▼	586

(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kế trước)



CHỈ SỐ TÀU THỊ TRƯỜNG HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu hàng dầu

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU VLCC

Chỉ số của thị trường VLCC trên các tuyến vẫn trên đà giảm. Điển hình mức cước các tuyến từ MEG đều giảm nhẹ, như MEG/West từ WS \$65 còn WS \$56, MEG/Japan và MEG/Singapore đều đồng loạt giảm 12,5 điểm và hiện đang dao động quanh mức WS \$92,5. Tổng số thương vụ chốt thành công trong tuần là 54 vụ, nhỉnh hơn tuần 43 một chút và hầu hết đều kín tiếng. Điều này cho thấy mức cước hiện tại là tương đối, chấp nhận được cho cả bên chủ tàu lẫn chủ hàng. Theo tình hình hiện tại thì xu hướng cước thị trường VLCC sẽ duy trì và ổn định, các chủ tàu đang hy vọng mức cước sẽ tích cực hơn trong thời gian tới.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2019	High 2019
MEG/West	VLCC	56,0	65,0	18,0	120,0
MEG/Japan	VLCC	92,5	105,0	38,0	180,0
MEG/Singapore	VLCC	92,5	105,0	38,0	180,0
WAFR/EAST	260.000	94,0	105,0	39,0	180,0

- Cước thuê tàu định hạn:

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2019	Low 2019
1 year	VLCC	55.000	55.000	48.500	28.000

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU AFRAMAX:

Trái với phân khúc VLCC tuy giảm nhưng ổn định, thì phân khúc Aframax là một cú trượt dài. Hầu hết các tuyến đều mất ít nhất 30 điểm. Ở khu vực Baltic và North Sea, đã có thêm nhiều hoạt động những ngày gần đây nhưng hàng dài các tàu chờ vẫn gây sức ép lên mức cước. Tuyến N.Afr/Euromed giảm 40 điểm, hiện đang dao động quanh mức WS \$110. Tương tự, các tuyến khu vực Meds và Black Sea, số lượng tàu chờ tiếp tục nổi dài và chủ tàu chẳng thể làm gì khác để thúc đẩy mức cước ngoài việc chứng kiến thị trường sụt giảm. Tuyến Caribs/USG mất 40 điểm và hiện đang dao động ở mức WS \$170. Tất cả đều đang hi vọng mức cước sẽ sớm ổn định, hoặc ít nhất là không giảm nhiều hơn nữa ở khu vực Meds/Black Sea vào tuần tới.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2019	High 2019
N.Afr/Euromed	80.000	110,0	150,0	80,0	225,0
UK/Cont	80.000	100,0	145,0	80,0	195,0
Caribs/USG	70.000	170,0	210,0	67,5	240,0

- Cước thuê tàu định hạn:

US\$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2019	Low 2019
1 year	Aframax	26.500	26.500	26.500	18.000

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU MR:

Phân khúc tàu MR phía đông Suez: Nhìn chung mức cước giảm nhẹ hầu hết các tuyến trọng điểm. Theo báo cáo, cước trên khu vực từ WC.India đi Japan giảm mạnh 45 điểm, dao động quanh mức WS \$160. Tình hình tương tự ở thị trường Far East, cước trên tuyến S.Korea/Japan cũng bị ảnh hưởng và dao động ở mức WS \$300'.

Phân khúc tàu MR phía tây Suez: Cước trên các tuyến thị trường phía tây tuần này cũng không sôi nổi dù có nhỉnh hơn khu vực phía đông một chút. Theo ghi nhận, cước trên tuyến UKC/USAC tăng nhẹ 20 điểm, dao động quanh mức WS \$160. Đối với chiều ngược lại từ khu vực USG, cước ở mức WS \$115, tăng thêm 15 điểm so với tuần rồi.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

WS

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2019	High 2019
WCI/Japan	38.000	160,0	205,0	105,0	230,0
UKC-Med/States	38.000	160,0	140,0	90,0	170,0
USG/UKC-Med	38.000	115,0	100,0	67,5	145,0

- Cước thuê tàu định hạn:

US\$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2019	Low 2019
1 year	MR	16.500	15.500	15.500	13.250

4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có lt ldt > 5.000)

Xếp loại	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Bangladesh	360		380	
2	Pakistan	335		360	
3	India	350		365	
4	Turkey	210		220	

(đơn vị tính : usd/lt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 44/2019

Tên Tàu	Loại tàu	Năm Đóng	LDT	Nước phá dỡ	Giá (US\$/lt ldt)	Dwt	Comments
Victoria 1000	Offshore	2010	44,779	Undisclosed	431.00	61,042	At auction by Petrobras, As is Rio de Janeiro
Dangjin	Bulker	1995	18,773	Bangladesh	375.00	149,190	
Charm	Bulker	1981	8,066	Bangladesh	364.00	19,274	
Easline Shanghai	Container	1994	5,500	Bangladesh	Undisclosed	12,598	
MSC Reunion	Container	1992	8,178	India	390.00	31,829	Old sale

**CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG – PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN TÀU**Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.